TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG AN** Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST Ngày: 28 – 6 – 2024 V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đăng Khoa.
2. Bà Trịnh Thị Kim Quyên.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82b/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim A, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).
Bị đơn: Ông Trần Quốc P, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Kim A trình bày:

Bà Phan Thị Kim A và ông Trần Quốc P tổ chức lễ cưới vào ngày 10/4/1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể chung sống được với nhau nên đến tháng 5/2009 bà Kim A và ông P đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay ông P đã có gia đình khác nên bà Kim A nộp đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Kim A với ông P.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh năm 1998, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn ông Trần Quốc P:* Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Phan Thị Kim A khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Quốc P. Ông Trần Quốc P là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước. Bị đơn ông Trần Quốc P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Quốc P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim A.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kim A và ông Trần Quốc P có tổ chức đám cưới vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo Công văn số 175/UBND-XM ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã L về việc xác minh tình trạng hôn nhân của Trần Quốc P, sinh năm 1978 xác định ngày 27/11/2017 Ủy ban nhân dân xã L có cấp giấy xác nhận độc thân cho ông P để đăng ký kết hôn với bà Đặng Thị Thúy H và theo Công văn số 40/UBND-TP ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân xã L xác định không có hồ sơ đăng ký kết hôn của bà Kim A với ông P. Do đó, có căn cứ xác định bà Kim A với ông P không có đăng ký kế hôn nên yêu cầu khởi kiện của bà Kim A là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Kim A và ông Trần Quốc P có 01 con chung Trần Thị Kim N, sinh năm: 1998, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kim A trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, ông P không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim A phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Kim A đối với bị đơn ông Trần Quốc P.

Về hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa bà Phan Thị Kim A với ông Trần Quốc P.

[2] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010385 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, tỉnh Long An, bà Kim A đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Lộc